

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12083 /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2025

V/v lấy ý kiến về dự thảo
Thông tư hướng dẫn một số
điều của Nghị định số
186/2025/NĐ-CP (thay thế
Thông tư số 144/2017/TT-BTC
và Thông tư số 11/2025/TT-
BTC).

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trên cơ sở trách nhiệm của Bộ Tài chính được giao Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 144/2017/TT-BTC và Thông tư số 11/2025/TT-BTC) (đính kèm).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia bằng văn bản về dự thảo Thông tư nêu trên và gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 17/8/2025** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Thông tư.

(Dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư gửi kèm theo Công văn này được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính và trang Thông tin điện tử về tài sản công.

Ngoài ý kiến tham gia bằng văn bản, đề nghị gửi file mềm về địa chỉ mail: nguyenquynhnga@mof.gov.vn, ĐT liên hệ: 024.22202828 máy lẻ 6364, di động: 0852.200.258).

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công TTĐTCTP (để đăng tải lấy ý kiến
- Cục CNTT&CDS (rộng rãi)
- Lưu: VT, QLCS (50b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung

BỘ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH

V/v dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 144/2017/TT-BTC và Thông tư số 11/2025/TT-BTC).

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (thay thế Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ). Trên cơ sở trách nhiệm của Bộ Tài chính được giao tại khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 55, khoản 4 Điều 104, khoản 4 Điều 105, khoản 4 Điều 106, khoản 4 Điều 113 tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 và Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) với một số nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì Bộ trưởng ban hành thông tư để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2025 và Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ) của Chính phủ. Trong đó, một số nội dung tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn có sự thay đổi như sau: (1) Không còn quy định về bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá thông qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công; (2) Bỏ quy định về tài khoản tạm giữ; (3) Quy định mới về việc công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; (4) Mở rộng tiêu chí về lựa chọn đối tác thực hiện liên doanh, liên kết. Như vậy, nhiều nội dung tại Thông tư số

144/2017/TT-BTC, Thông tư số 11/2025/TT-BTC đã không còn phù hợp với Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Từ các cơ sở trên, việc Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP là cần thiết và có căn cứ pháp lý để thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

Việc xây dựng Thông tư nhằm hướng dẫn Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, hoàn thiện cơ sở pháp lý, sửa đổi các nội dung quy định không còn phù hợp với hệ thống pháp luật về tài sản công và bối cảnh hiện nay, tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

Thứ nhất, các nội dung tại dự thảo Thông tư đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Thứ hai. Các nội dung quy định phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật quản lý, sử dụng tài sản công tại Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, pháp luật về đấu thầu.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Bố cục: Dự thảo Thông tư gồm 03 Chương, 07 Điều:

Chương I: Quy định chung (02 Điều)

Chương II: Quy định cụ thể (04 Điều)

Chương III: Tổ chức thực hiện (01 Điều)

2. Nội dung cơ bản của dự thảo:

Về cơ bản, dự thảo được kế thừa các quy định đang được thực hiện, vẫn còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc trong thực tiễn tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC, Thông tư số 11/2025/TT-BTC, Thông tư số 36/2025/TT-BTC và được rà soát để điều chỉnh theo nội dung quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, phù hợp với các quy định mới của pháp luật về đấu thầu.

2.1. Điều 1. Về phạm vi điều chỉnh: Tại khoản 8 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 55, khoản 4 Điều 104, khoản 4 Điều 105, khoản 4 Điều 106, khoản 4 Điều 113 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung gồm: (1) Việc bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá (Điều 26); (2) Tổ chức lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết (Điều 55); (3) Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 113); (4) Công khai việc hình thành, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 104, 105, 106).

2.2. Điều 2. Về đối tượng áp dụng: Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP gồm: (1) Cơ quan nhà nước; (2) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; (3) Đơn vị sự nghiệp công lập; (4) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; (5) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; (6) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.3. Điều 3. Quy định về việc bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá: Quy định về trách nhiệm nộp khoản tiền đặt trước khi đăng ký mua tài sản của người đăng ký mua tài sản, trách nhiệm niêm yết công khai quy định về những người không được tham gia mua tài sản công, nội dung thông tin niêm yết giá, trách nhiệm nộp tiền đặt trước cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công của người đăng ký mua tài sản, tổ chức bốc thăm để lựa chọn người được quyền mua tài sản, thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản, xử lý các trường hợp phát sinh như: người được quyền mua tài sản từ chối mua tài sản ngay tại cuộc bốc thăm, tổ chức bán niêm yết lại.

2.4. Điều 4. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết: Tại điểm c khoản 3 Điều 55 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP về các tiêu chí lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết có quy định như sau: (1) Năng lực, kinh nghiệm của đối tác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết *hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết*; (2) Hiệu quả của phương án tài chính; (3) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết của đối tác bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết (cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có *hoặc nguồn tài chính bảo đảm cho việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ cho việc liên doanh, liên kết*); (4) Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết; (5) Các tiêu chí

khác phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị do đơn vị có tài sản công quyết định.

Đồng thời, qua nghiên cứu Điều 45 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 66 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ; thì các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm gồm các nội dung sau: (1) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn với các tiêu chí (i) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư của dự án (tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư); (ii) Yêu cầu về khả năng huy động vốn vay của nhà đầu tư; trường hợp liên doanh, vốn vay của nhà đầu tư liên doanh bằng tổng vốn vay của các thành viên; (2) Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự căn cứ lĩnh vực; quy mô đầu tư; thời gian và mức độ hoàn thành công trình, dự án gồm các tiêu chí; (3) Nhà đầu tư được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự.

Như vậy, ngoài kế thừa tại Điều 6a Thông tư số 144/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 11/2025/TT-BTC, dự thảo Thông tư bổ sung thêm một số nội dung mới so với Thông tư số 11/2025/TT-BTC để phù hợp với pháp luật về đấu thầu như sau: (1) Bổ sung nguyên tắc *“Trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia liên doanh, liên kết được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì tại hồ sơ đăng ký tham gia cần xác định cụ thể đối tác và các giấy tờ, tài liệu chứng minh kinh nghiệm của đối tác”*; (2) Hoàn thiện biểu Phụ lục I Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức, cá nhân đăng ký liên doanh, liên kết để phù hợp với quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2.5. Điều 5. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Quy định về thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy chế, căn cứ xây dựng, nội dung chủ yếu, công khai Quy chế.

2.6. Điều 6. Biểu mẫu công khai tài sản công: Gồm 03 khoản về công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng; ở Bộ, cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh và mẫu công khai tài sản công của cả nước theo quy định tại Điều 104, 105, 106 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) về (1) việc hình thành tài sản công, (2) tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, (3) tình hình xử lý tài sản công, (4) tình hình khai thác tài sản công.

2.7. Điều 7. Điều khoản thi hành:

a) Hiệu lực thi hành: Sẽ được xác định theo quy định tại pháp luật, cụ thể: 45 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành.

b) Bãi bỏ Thông tư số 144/2017/TT-BTC, Thông tư số 11/2025/TT-BTC.

c) Điều khoản chuyển tiếp: Việc xử lý chuyển tiếp đối với các nội dung: (1) Đơn vị sự nghiệp công lập đang thực hiện quy trình lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo Điều 6a Thông tư số 11/2025/TT-BTC; (2) Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC; (3) Báo cáo kê khai định kỳ tài sản công theo quy định chuyển tiếp tại khoản 8 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Quy định về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

2.8. Các Phụ lục: Gồm 02 phụ lục gồm Phụ lục về Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức, cá nhân đăng ký liên doanh, liên kết; và Phụ lục về các mẫu biểu (mẫu biểu phục vụ việc bán niêm yết tài sản công và mẫu biểu công khai tài sản công).

IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ, TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Dự thảo Thông tư không có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

- Dự thảo Thông tư không quy định về thủ tục hành chính thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

- Dự thảo Thông tư không có quy định phân biệt về giới.

- Dự thảo Thông tư không có nội dung trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Dự thảo Thông tư được xây dựng đảm bảo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật.

V. BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC THỰC HIỆN THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, kinh phí thực hiện là kinh phí để thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công thực tế hiện nay tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nguồn

kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện Thông tư được sử dụng trong phạm vi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, nguồn kinh phí hợp pháp khác được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị và nguồn kinh phí đến từ việc xử lý tài sản, không làm phát sinh tăng chi từ ngân sách nhà nước./.

Số:/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO I
06.8.2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QFH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) bao gồm:

- Trình tự, thủ tục tán tài sản công theo hình thức niêm yết giá.
- Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.

3. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4. Biểu mẫu công khai tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trình tự, thủ tục bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá

Việc bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và quy định sau đây:

1. Người đăng ký mua tài sản công theo hình thức niêm yết giá có trách nhiệm nộp khoản tiền đặt trước khi đăng ký mua tài sản. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công quyết định cụ thể số tiền đặt trước nhưng tối thiểu là 10% và tối đa là 20% giá bán tài sản niêm yết.

Khoản tiền đặt trước được coi là tiền đặt cọc để mua tài sản trong trường hợp người đăng ký được quyền mua tài sản. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công có trách nhiệm trả lại tiền đặt trước cho người đăng ký nhưng không mua được tài sản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được người mua tài sản, trừ các trường hợp người đăng ký không được nhận lại tiền đặt trước bao gồm:

a) Người đăng ký từ chối mua tài sản sau khi được xác định là người được quyền mua tài sản.

b) Người đăng ký được quyền mua tài sản nhưng không ký hợp đồng mua bán tài sản trong thời hạn quy định.

c) Người đăng ký được quyền mua tài sản đã ký hợp đồng mua bán tài sản nhưng không thanh toán tiền mua tài sản hoặc đã thanh toán tiền mua tài sản nhưng không nhận tài sản.

d) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP nhưng vẫn đăng ký mua tài sản.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công có trách nhiệm niêm yết công khai quy định về những người không được tham gia mua tài sản

công quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Trường hợp người thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP nhưng vẫn đăng ký mua tài sản thì không được quyền mua tài sản.

3. Nội dung thông tin niêm yết giá:

- a) Tên, địa chỉ, điện thoại của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản.
- b) Tên tài sản, chủng loại, số lượng, chất lượng của tài sản.
- c) Giá bán tài sản.
- d) Địa điểm, thời hạn xem tài sản.
- đ) Quy định về người không được tham gia mua tài sản.
- e) Số tiền đặt trước và hình thức nộp tiền đặt trước.
- g) Thời hạn đăng ký và nộp tiền đặt trước.
- h) Thời gian lựa chọn người được quyền mua tài sản.
- i) Những thông tin khác liên quan đến tài sản bán (nếu có).

Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công có trách nhiệm đăng tải đầy đủ, chính xác thông tin niêm yết trên Trang thông tin điện tử về tài sản công cùng với việc niêm yết tại trụ sở cơ quan.

4. Người đăng ký mua tài sản có trách nhiệm nộp tiền đặt trước cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công phát Phiếu đăng ký mua tài sản cho người đăng ký mua đã nộp tiền đặt trước; mỗi tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản được phát 02 Phiếu đăng ký mua tài sản. Người đăng ký mua tài sản điền đầy đủ thông tin và gửi lại một Phiếu đăng ký cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công; một Phiếu đăng ký do người đăng ký mua tài sản giữ để tham gia bốc thăm. 02 Phiếu đăng ký mua tài sản phải được điền đầy đủ và trùng khớp các thông tin trong Phiếu. Phiếu đăng ký mua tài sản do cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công phát hành theo Mẫu số 02-PĐK/TSC ban hành kèm theo Thông tư này.

Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công có trách nhiệm hoàn lại tiền đặt trước cho người đăng ký nhưng không mua được tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này. Đối với số tiền đặt trước của người đăng ký mua thuộc trường hợp không được nhận lại quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, được tính vào số tiền thu từ xử lý tài sản công tại được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 40 (đối với cơ quan nhà nước), Điều 64 (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

5. Tổ chức bốc thăm để lựa chọn người được quyền mua tài sản:

- a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn niêm yết giá, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công có trách nhiệm tổ chức

bốc thăm để lựa chọn người được quyền mua tài sản; người đăng ký mua tài sản niêm yết được mời tham gia việc bốc thăm.

b) Phiếu bốc thăm được sử dụng là Phiếu đăng ký mua tài sản đã được điền đầy đủ thông tin của người đăng ký mua và được đựng trong một phong bì dán kín do người đăng ký mua bỏ vào một hòm kín có niêm phong của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công tại thời điểm tổ chức bốc thăm.

c) Tại cuộc bốc thăm, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công cử ra 01 đại diện của cơ quan để kiểm đếm số phiếu bảo đảm phù hợp với số lượng người đăng ký và tham gia việc bốc thăm, lựa chọn ngẫu nhiên 01 phiếu trong hòm phiếu; người đăng ký có tên trong phiếu được bốc thăm (có thông tin trùng với thông tin lưu tại cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản) là người được quyền mua tài sản.

d) Biên bản xác định người được quyền mua tài sản được thực hiện theo Mẫu số 03-BBBT/TSC ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công và người được quyền mua tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản theo Mẫu số 01-HĐMB/TSC ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Trường hợp người được quyền mua tài sản từ chối mua tài sản ngay tại cuộc bốc thăm thì xử lý như sau:

a) Trường hợp chỉ còn lại một người đăng ký và người đó đồng ý mua thì người còn lại duy nhất là người được quyền mua tài sản.

b) Trường hợp còn từ hai người đăng ký trở lên thì tổ chức bốc thăm lại. Việc bốc thăm lại được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Việc tổ chức bán niêm yết giá lại được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Người được quyền mua tài sản từ chối mua tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này).

b) Người được quyền mua tài sản không ký hợp đồng mua bán tài sản trong thời hạn quy định.

c) Người được quyền mua tài sản thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Hết thời hạn niêm yết nhưng không có người đăng ký mua tài sản.

Việc tổ chức bán niêm yết giá lại được thực hiện theo quy định như bán lần đầu. Giá bán tài sản để tổ chức bán niêm yết giá lại được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết khi sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết

1. Nguyên tắc lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm theo đúng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bảo đảm tính chính xác, độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia liên doanh, liên kết tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn. Trường hợp do tổ chức, cá nhân kê khai không đầy đủ, chính xác thông tin dẫn đến đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết không đúng quy định thì tổ chức, cá nhân đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Không lựa chọn các cá nhân, tổ chức có người đại diện theo pháp luật, hoặc cá nhân, tổ chức có đối tác có người đại diện theo pháp luật đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết mà chưa được xóa án tích hoặc phát hiện tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ tại thời điểm lựa chọn đối tác thực hiện liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị có tài sản liên doanh, liên kết thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP trong thời hạn ít nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết do tổ chức, cá nhân xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức, chữ ký của cá nhân bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gửi kèm theo bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh (có dấu treo của tổ chức, chữ ký của cá nhân).

Trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia liên doanh, liên kết được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì tại hồ sơ đăng ký tham gia cần xác định cụ thể đối tác và các giấy tờ, tài liệu chứng minh kinh nghiệm của đối tác.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đã bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết, bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin này trong hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết.

4. Trên cơ sở các hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản thực hiện đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý các trường hợp phát sinh theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm phê duyệt kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn là tổ chức, cá nhân có tổng số điểm cao nhất và không thấp hơn 50% tổng mức điểm tối đa quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp việc liên doanh, liên kết không yêu cầu đầy đủ tiêu chí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì đơn vị sự nghiệp công lập loại trừ số điểm của các tiêu chí loại trừ khi xác định tổng mức điểm tối đa.

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo công khai kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính và gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết cho các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết bao gồm: Tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn; Danh sách tổ chức, cá nhân không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng tổ chức, cá nhân; Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân được lựa chọn.

5. Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì lựa chọn tổ chức, cá nhân có điểm số phương án tài chính cao hơn; trường hợp phương án tài chính bằng điểm nhau thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản căn cứ các tiêu chí khác do đơn vị sự nghiệp công lập tự xác định phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập để xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức, cá nhân đó.

Trường hợp hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết mà chỉ có một tổ chức, cá nhân đăng ký và có tổng số điểm không thấp hơn 50% tổng mức điểm tối đa thì đơn vị có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân đó.

6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức, cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định dưới đây thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc có đối tác cùng tham gia liên doanh, liên kết bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân đó bị trừ 5% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm.

b) Cá nhân, tổ chức có người đại diện theo pháp luật hoặc đối tác cùng tham gia liên doanh, liên kết bị có người đại diện theo pháp luật bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết và đã được xóa án tích thì tổ chức, cá nhân đó bị trừ 20% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm.

c) Tổ chức, cá nhân hoặc đối tác cùng tham gia liên doanh, liên kết bị đã bị đơn vị sự nghiệp công lập khác hủy bỏ kết quả lựa chọn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị tham gia liên doanh, liên kết do cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia thì tổ chức, cá nhân đó bị trừ 25% tổng số điểm mà tổ chức, cá nhân được chấm.

7. Sau khi có kết quả lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết mà đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản nhận được thông tin của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc có kết quả xác minh của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khẳng định tổ chức, cá nhân được lựa chọn cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp chưa ký hợp đồng liên doanh, liên kết thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân đó, đồng thời, thông báo công khai việc hủy bỏ kết quả lựa chọn trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp đã ký hợp đồng liên doanh, liên kết thì đơn vị có tài sản hủy bỏ kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân đó; đồng thời có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng liên doanh, liên kết đối với tổ chức, cá nhân đó và không phải bồi thường thiệt hại. Đơn vị có tài sản thông báo công khai việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính.

8. Trong trường hợp hết thời hạn đăng ký mà không có tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia hoặc các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia có tổng số điểm chấm không đạt số điểm tối thiểu, đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản tổ chức lại việc lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Điều này.

9. Trong trường hợp kết quả lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết bị hủy bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều này thì thực hiện như sau:

a) Nếu kết quả lựa chọn bị hủy bỏ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày phê duyệt kết quả thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt lại kết quả lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết đối với tổ chức, cá nhân có tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ nếu tổng số điểm của tổ chức, cá nhân đó không thấp hơn 50% tổng số điểm tối đa và tổ chức, cá nhân đó vẫn còn nhu cầu tham gia liên doanh, liên kết.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ không còn nhu cầu tham gia liên doanh, liên kết hoặc tổng số điểm liền kề với điểm của tổ chức, cá nhân bị hủy bỏ thấp hơn 50% tổng số điểm tối đa hoặc không có tổ chức, cá nhân liền kề thì đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản tổ chức lại việc lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

b) Nếu kết quả bị hủy bỏ sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày phê duyệt kết quả thì đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lại việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Nghị định và Điều này.

Điều 5. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi là Quy chế).

2. Căn cứ xây dựng Quy chế:

a) Tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Thực trạng và yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Nội dung chủ yếu của Quy chế:

a) Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, thuê mua, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác, đánh giá lại, chuyển đổi công năng sử dụng, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, chuyển giao và các hình thức xử lý tài sản khác; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản; bảo vệ tài sản; bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; kiểm kê, kiểm tra tài sản; báo cáo tài sản công.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội có sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, ngoài các nội dung quy định tại điểm này, Quy chế phải quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

b) Trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi người đứng đầu.

c) Xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế.

d) Các nội dung khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Quy chế phải được thảo luận hoặc có văn bản gửi lấy ý kiến rộng rãi, dân chủ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi ban hành; sau khi ban hành phải được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Biểu mẫu công khai tài sản công

1. Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng:

a) Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 04a-CK/TSC.

b) Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 04b-CK/TSC.

c) Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 04c-CK/TSC;

d) Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 04d-CK/TSC.

2. Công khai tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 05a-CK/TSC;

b) Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 05b-CK/TSC;

c) Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 05c-CK/TSC;

d) Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 05d-CK/TSC.

3. Công khai tài sản công của cả nước:

a) Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 06a-CK/TSC;

b) Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 06b-CK/TSC;

c) Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 06c-CK/TSC;

d) Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Mẫu số 06d-CK/TSC.

4. Các mẫu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2025.

2. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thông tư số 11/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đang thực hiện quy trình lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết theo Điều 6a Thông tư số 11/2025/TT-BTC thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC thì được tiếp tục thực hiện theo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đã được ban hành. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm rà soát Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để phù hợp với quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

c) Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành quy định về quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và báo cáo tài sản công, việc báo cáo kê khai định kỳ tài sản công theo quy định chuyển tiếp tại khoản 8 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Mẫu 08a, Mẫu 08b Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước; Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

Bùi Văn Khăng

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
I	Năng lực, kinh nghiệm của đối tác đăng ký tham gia liên doanh, liên kết hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết <i>(Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia liên doanh, liên kết được sử dụng kinh nghiệm của đối tác để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các hoạt động tương tự hoạt động liên doanh, liên kết)</i>	30,0
1	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết <i>(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2 hoặc 1.3)</i>	5,0
1.1	Dưới 03 năm	1,0
1.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	3,0
1.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
2	Số lượng nhân viên và lao động theo hợp đồng hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực liên doanh, liên kết của tổ chức (bình quân 03 năm gần nhất) <i>(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2 hoặc 2.3)</i>	5,0
2.1	Dưới 50 người	1,0
2.2	Từ 50 đến dưới 100 người	3,0
2.3	Từ 100 người trở lên	5,0
3	Kết quả kinh doanh trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết trong 05 năm gần nhất <i>(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 hoặc 3.5)</i>	10,0
3.1	Dưới 20% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	2,0
3.2	Từ 20% đến dưới 40% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	4,0
3.3	Từ 40% đến dưới 60% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	6,0
3.4	Từ 60% đến dưới 80% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	8,0
3.5	Từ 80% đến 100% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	10,0
4	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (không bao gồm tiền chậm nộp thuế và các khoản phạt khác) <i>(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, hoặc 4.6)</i>	10,0
4.1	Dưới 100 triệu đồng	2,0
4.2	Từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	4,0
4.3	Từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	6,0
4.4	Từ 500 triệu đồng trở lên	8,0
4.5	Từ 1000 triệu đồng đến dưới 2000 triệu đồng	9,0
4.6	Từ 2000 triệu đồng trở lên	10,0

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
II	Hiệu quả của phương án tài chính (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	35,0
1	<i>Phương án tài chính đề xuất rõ ràng các nội dung của phương án tài chính (các khoản doanh thu, các khoản chi phí, chênh lệch thu chi)</i>	5,0
2	<i>Phương án tổ chức, thực hiện đề xuất rõ ràng các nội dung về việc tổ chức bố trí nhân sự phục vụ việc liên doanh, liên kết; phương án, biện pháp bảo vệ, giữ gìn, duy tu, bảo dưỡng tài sản công.</i>	5,0
3	<i>Cam kết đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất hiện đại cho việc liên doanh liên kết</i>	5,0
4	<i>Cam kết chia sẻ lợi nhuận (Tổng số tiền đơn vị sự nghiệp công lập nhận được từ hoạt động liên doanh, liên kết (điểm số tối đa được chấm cho tổ chức, cá nhân dự kiến chia sẻ số tiền cao nhất; cứ mỗi 50 triệu đồng giảm đi so với số tiền cao nhất thì trừ đi 1 điểm)</i>	15,0
5	<i>Cam kết việc đơn vị sự nghiệp công lập không phải thanh toán tiền trong trường hợp chênh lệch thu chi từ hoạt động liên doanh, liên kết âm</i>	5
III	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết (Chỉ chọn chấm điểm Mục A hoặc Mục B)	15,0
A	<i>Đối với tổ chức, cá nhân sử dụng cơ sở vật chất sẵn có cho việc liên doanh, liên kết</i>	15,0
1	<i>Cơ sở vật chất (nhà cửa, cơ sở hạ tầng) bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết</i>	8,0
1.1	Đã có cơ sở vật chất sẵn sàng cho việc thực hiện liên doanh, liên kết	4,0
1.2	Mức độ hiện đại của cơ sở vật chất cho việc liên doanh, liên kết	4,0
2	<i>Trang thiết bị và các tài sản khác cần thiết bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết</i>	7,0
2.1	Có trang thiết bị và các tài sản khác bảo đảm phù hợp cho việc liên doanh, liên kết	4,0
2.2	Mức độ hiện đại của trang thiết bị và các tài sản khác bảo đảm cho việc liên doanh, liên kết	3,0
B	<i>Đối với tổ chức, cá nhân cam kết sử dụng nguồn tài chính bảo đảm cho việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ cho việc liên doanh, liên kết: Đánh giá năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn cho hoạt động liên doanh, liên kết</i>	15,0
1	Vốn chủ sở hữu của tổ chức, năng lực tài chính của cá nhân đạt tối thiểu từ 15% đến dưới 45% tổng chi phí dự kiến hoặc có chứng minh về khả năng huy động được vốn vay tối thiểu từ 15% đến dưới 45% tổng chi phí dự kiến để đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ cho việc liên doanh, liên kết.	5,0
2	Vốn chủ sở hữu của tổ chức, năng lực tài chính của cá nhân đạt tối thiểu từ 45% đến dưới 75% tổng chi phí dự kiến hoặc có chứng minh về khả năng huy động được vốn vay tối thiểu từ 45% đến dưới 75% tổng chi phí dự kiến để đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục	10,0

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
	vụ cho việc liên doanh, liên kết!	
III	Vốn chủ sở hữu của tổ chức, năng lực tài chính của cá nhân đạt tối thiểu từ 75% tổng chi phí dự kiến hoặc có chứng minh về khả năng huy động được vốn vay tối thiểu 75% tổng chi phí dự kiến để đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ cho việc liên doanh, liên kết!	15,0
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn liên doanh, liên kết	10,0
	<i>Cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết cho đơn vị sự nghiệp công lập</i>	10,0
V	Các tiêu chí khác (Đơn vị sự nghiệp công lập tự xác định phù hợp với mục đích liên doanh, liên kết, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị)	10,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú: Trường hợp, Hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức, cá nhân không có thông tin về tiêu chí, tiêu chí thành phần thì chấm 0 điểm đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần đó. Đơn vị sự nghiệp công lập có tài sản được phép thực hiện đối chiếu các tài liệu cung cấp trong Hồ sơ đăng ký với bản chính của tổ chức, cá nhân trong quá trình chấm điểm và đến trước thời điểm quyết định lựa chọn (nếu thấy cần thiết).

Phụ lục II**CÁC BIỂU MẪU**

(Kèm theo Thông tư số/2025/TT-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	KÝ HIỆU	TÊN BIỂU MẪU
A	Mẫu về bán niêm yết tài sản	
1	Mẫu số 01-HĐMB/TSC	Hợp đồng mua bán tài sản
2	Mẫu số 02-PĐK/TSC	Phiếu đăng ký mua tài sản
3	Mẫu số 03-BBBT/TSC	Biên bản xác định người được quyền mua tài sản
B	Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng	
1	Mẫu số 04a-CK/TSC	Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2	Mẫu số 04b-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
4	Mẫu số 04c-CK/TSC	Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
5	Mẫu số 04d-CK/TSC	Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
C	Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
1	Mẫu số 05a-CK/TSC	Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2	Mẫu số 05b-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
3	Mẫu số 05c-CK/TSC	Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
4	Mẫu số 05d-CK/TSC	Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
D	Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của cả nước	
1	Mẫu số 06a-CK/TSC	Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2	Mẫu số 06b-CK/TSC	Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
3	Mẫu số 06c-CK/TSC	Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
4	Mẫu số 06d-CK/TSC	Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN

Số:

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày .../.../2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số ngày của về việc

Căn cứ kết quả bán đấu giá/ bán niêm yết giá/ bán chỉ định tài sản

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, chúng tôi gồm có:

I. Bên bán (cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công):

Tên đơn vị:

Mã số quan hệ với NSNN:

Mã số thuế (nếu có):

Đại diện bởi:, chức vụ.....

II. Bên mua:

Tên đơn vị/cá nhân:

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng minh nhân dân (CMND)/Căn cước công dân (CCCD) số:

Mã số thuế (nếu có):

Đại diện bởi:, chức vụ.....

Địa chỉ:

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Tài sản mua bán

1. Chủng loại tài sản.

2. Số lượng tài sản.

Điều 2. Giá mua bán tài sản

Giá mua bán tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: đồng (bằng chữ: đồng Việt Nam), cụ thể: (giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng).

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán

2. Thời hạn thanh toán:

a) Bên mua có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho bên bán chậm nhất là ngày tháng năm⁽¹⁾;

b) Quá thời hạn quy định tại khoản a mà bên mua chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì bên mua phải chịu khoản tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với số tiền còn thiếu.

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản

2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên bán:

- Bàn giao tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng giấy tờ về quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản (nếu có) cho bên mua đúng thời hạn, địa điểm quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.

- Phối hợp với Bên mua thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua:

- Thanh toán tiền mua tài sản cho Bên bán đúng thời hạn quy định tại Điều 3 Hợp đồng này.

- Thực hiện đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật và nộp các khoản thuế, lệ phí liên quan đến việc mua bán tài sản theo Hợp đồng này thuộc trách nhiệm của Bên mua theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 6. Cam đoan của các bên

Bên mua và bên bán chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên bán cam đoan:

1.1. Những thông tin về tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Tài sản thuộc trường hợp được bán tài sản theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Tài sản không có tranh chấp;

b) Tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên mua cam đoan:

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Điều 7. Xử lý trong trường hợp bên mua không mua tài sản sau khi đã ký Hợp đồng

Trường hợp bên mua không nhận tài sản sau khi đã thanh toán hoặc không thanh toán thì được xử lý như sau:

1. Tài sản và khoản tiền đặt trước của bên mua thuộc về bên bán trong trường hợp bên mua không thanh toán.

2. Tài sản và số tiền đã thanh toán (bao gồm khoản tiền đặt trước) thuộc về bên bán trong trường hợp bên mua đã thanh toán nhưng không nhận tài sản.

Điều 8. Xử lý tranh chấp

Hợp đồng này được làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên bán giữ 02 bản, Bên mua giữ 02 bản, gửi chủ tài khoản tạm giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Ngày/tháng/năm thanh toán được ghi cụ thể nhưng không quá 90 ngày (trường hợp bán trả sở làm việc), 05 ngày làm việc (trường hợp bán tài sản khác), kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản.

**TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO NHIỆM VỤ TỔ CHỨC
BÁN TÀI SẢN CÔNG**

Mẫu số 02-PĐK/TSC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA TÀI SẢN

1. Tên đơn vị/cá nhân đăng ký mua:
- 2⁽¹⁾. CMND/CCCD/Hộ chiếu (còn trong thời hạn sử dụng) số:..... ngày
- 3⁽²⁾. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày
- Mã số thuế (nếu có):
- Đại diện bởi:, chức vụ.....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng số: ngày.....
4. Địa chỉ:
5. Tài sản đăng ký mua⁽³⁾:.....
6. Mã số của cuộc bán niêm yết⁽⁴⁾:.....

Người đăng ký mua tài sản⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu đăng ký mua tài sản phải do Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công phát hành và được đóng dấu treo của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công.
- (1) Áp dụng riêng đối với người mua là cá nhân
- (2) Áp dụng riêng đối với người mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.
- (3) Ghi tên cụ thể tài sản đăng ký mua hoặc ghi “Theo Thông báo ngàycủa”.
- (4) Mã số của cuộc bán niêm yết do cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công xác định và thực hiện niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.
- (5) Nếu người đăng ký mua là cá nhân thì cá nhân ký, ghi rõ họ tên; nếu người đăng ký mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC QUYỀN MUA TÀI SẢN
THEO HÌNH THỨC NIÊM YẾT GIÁ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BTC ngày .../.../2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số ngày của về việc;

Hôm nay, vào hồi giờ..... phút ngày..... tháng..... năm....., tại,
(tên cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công) tổ chức bốc thăm lựa chọn người được quyền mua tài sản.

- Tài sản bán:
- Giá bán tài sản:
- Mã số của cuộc bán niêm yết⁽¹⁾:

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công:

- Ông/bà:, chức vụ:
- Ông/bà:, chức vụ:
- Ông/bà:, chức vụ:

2. Người tham gia bốc thăm (Họ và tên, số CMND/CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng, địa chỉ liên hệ):

-
-
-

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

-
-

II. Diễn biến cụ thể của cuộc bốc thăm:

.....
.....
.....
.....

III. Kết quả bốc thăm:

Người được quyền mua tài sản theo kết quả bốc thăm là:

- Tổ chức/cá nhân:

Đại diện bởi:, chức vụ.....

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/CMND/CCCD /Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng số: ngày.....

- Địa chỉ

Việc bốc thăm lựa chọn người được quyền mua tài sản kết thúc vào lúcgiờ cùng ngày. Các bên cùng thống nhất ký tên./.

**Người được quyền
mua tài sản**
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Đại diện cơ quan được giao nhiệm
vụ tổ chức bán tài sản công**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Người ghi biên bản
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Đại diện người tham gia bốc thăm (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ, tên)

(1) Mã số của cuộc bán niêm yết do cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công xác định và thực hiện niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Mẫu số 04a-CK/TSC

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê/ nguyên giá nhận điều chuyển (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
	...												
2	Xe ô tô												
	...												
3	Tài sản cố định khác												
	...												
IV	Tài sản nhận điều chuyển												
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
	...												
2	Xe ô tô												
	...												
3	Tài sản cố định khác												
	...												

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toán và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển: Đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, điều chuyển.

Bộ, tỉnh:

Mẫu số 04b-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:

Mã đơn vị:

Loại hình đơn vị:

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM...**

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng quản lý, sử dụng (m ²)				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
I	Đất									
1.	Cơ sở 1...									
	...									
II	Nhà									
1	Cơ sở 1....									
										
III	Xe ô tô									
1	Xe 1									
	...									
IV	Tài sản cố định khác									
1	Tài sản cố định A									
	...									
	Tổng số									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Công khai về nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Nếu tại đơn vị phát sinh việc “sử dụng khác” diện tích nhà, đất thì ghi rõ hiện trạng sử dụng khác (bị lấn chiếm, bố trí làm nhà ở...).
- Cột 4: Phần II: Trường hợp không có thông tin về diện tích sản sử dụng thì báo cáo theo diện tích sản xây dựng.
- Cột 2: Phần IV Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).

Bộ, tỉnh:
 Cơ quan quản lý cấp trên:
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:
 Mã đơn vị:
 Loại hình đơn vị:

Mẫu số 04c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 NĂM**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
1	Đất chi...															
	...															
II	Nhà															
1	Đất chi...															
	Nhà ...															
	Nhà ...															
2	Đất chi...															
	...															
III	Xe ô tô															
1	Xe ...															
2	Xe...															
IV	Tài sản cố định khác															
																

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 2: Phần III Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Cột 14: Ghi rõ đã thực hiện hay chưa, trường hợp đã bán thì ghi rõ hình thức bán (đấu giá, niêm yết, chỉ định), trường hợp đã thanh lý thì ghi rõ hình thức thanh lý (phá dỡ, hủy bỏ, bán đấu giá, bán niêm yết, bán chỉ định).

Bộ, tỉnh:
 Cơ quan quản lý cấp trên:.....
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:
 Mã đơn vị:
 Loại hình đơn vị:

Mẫu số 04d-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 NĂM**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nhà, đất																
	Cơ sở nhà, đất tại...																
	...																
II	Xe ô tô																
	Xe 1																
																	
III	Tài sản cố định khác																
	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

- Cột 2: Phần II Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Cột 4, 7, 9, 11, 13: Ghi chỉ tiêu diện tích đối với tài sản là đất, nhà; ghi chỉ tiêu số lượng đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác. Trường hợp là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thì ghi diện tích sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.
- Cột 14: Ghi rõ hình thức liên doanh, liên kết theo quy định Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
- Căn cứ vào các hình thức khai thác tài sản công thực tế theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị bổ sung các cột chỉ tiêu công khai về các hình thức khai thác khác cho phù hợp.

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:.....

Mẫu số 05a-CK/TSC

**CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM ...**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/ MUA SẮM			TIẾP NHẬN GIAO, ĐIỀU CHUYỂN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Đơn vị A									
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác									
II	Đơn vị B									
	...									
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:.....

Mẫu số 05b-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM...**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG								
				Quản lý nhà nước		Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức	Khai thác	Phục vụ hoạt động sự nghiệp	Khai thác	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Đơn vị A											
1	Đất khuôn viên											
2	Nhà											
3	Xe ô tô											
4	Tài sản cố định khác											
II	Đơn vị B											
												
	Tổng cộng											

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13: Ghi hiện trạng sử dụng theo diện tích (m²) đối với tài sản là đất, nhà; ghi hiện trạng sử dụng theo số lượng (cái) đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác.
- Đối với tài sản là nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác; Trường hợp tài sản được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:.....

Mẫu số 05c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Điều chuyển				Báo				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Chuyển giao				Ghi chú
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
I	Đơn vị A																													
	1- Đất: khuôn viên																													
	2- Nhà																													
	3- Xe ô tô																													
	4- Tài sản có định khác																													
II	Đơn vị B																													
	Tổng cộng																													

....., ngày.....tháng.....năm
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp phát sinh xử lý tài sản theo hình thức khác theo quy định của pháp luật thì bổ sung các cột chỉ tiêu công khai về hình thức xử lý khác (số lượng, diện tích, nguyên giá giá trị còn lại) cho phù hợp.

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:.....

Mẫu số 05c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM....**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Nhà, đất																
	Cơ sở nhà, đất tại...																
	...																
II	Xe ô tô																
	Xe 1																
																	
III	Tài sản cố định khác																
	...																

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 4, 7, 9, 11, 13: Ghi chi tiêu diện tích đối với tài sản là đất, nhà; ghi chi tiêu số lượng đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác.
- Trường hợp phát sinh hình thức khai thác khác theo hình thức khác theo quy định của pháp luật thì bổ sung các cột chi tiêu công khai về hình thức khai thác khác (tên hình thức khai thác, số lượng/diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại, số tiền thu được) cho phù hợp.
- Cột 14: Ghi rõ hình thức liên doanh, liên kết theo quy định Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
- Căn cứ vào các hình thức khai thác tài sản công thực tế theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị bổ sung các cột chi tiêu công khai về các hình thức khai thác khác cho phù hợp.

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu số 06a-CK/TSC

**CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM...***ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.*

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/ MUA SẮM			TIẾP NHẬN GIAO/ĐIỀU CHUYỂN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
A	Cơ quan trung ương									
I	Bộ, ngành A									
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác									
II	Bộ, ngành B									
										
B	Địa phương									
I	Tỉnh A									
1	Đất khuôn viên									
2	Nhà									
3	Xe ô tô									
4	Tài sản cố định khác									
II	Tỉnh B									
										
	Tổng cộng									

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG

(Ký, họ tên và đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu số 06b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM...

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG								Sử dụng khác
				Quản lý nhà nước		Cơ sở hoạt động sự nghiệp						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức	Khai thác	Phục vụ hoạt động sự nghiệp	Khai thác	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	Cơ quan trung ương											
I	Bộ, ngành A											
1	Đất khuôn viên											
2	Nhà											
3	Xe ô tô											
4	Tài sản cố định khác											
II	Bộ, ngành B											
												
B	Địa phương											
I	Tỉnh A											
1	Đất khuôn viên											
2	Nhà											
3	Xe ô tô											
4	Tài sản cố định khác											
II	Tỉnh B											
												
	Tổng cộng											

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13: Ghi hiện trạng sử dụng theo diện tích (m²) đối với tài sản là đất, nhà; ghi hiện trạng sử dụng theo số lượng (cái) đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác.
- Đối với tài sản là nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Đối với tài sản là xe ô tô, tài sản cố định khác: Trường hợp tài sản được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu số 06c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Chuyển giao				Ghi chú
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
A	Cơ quan trung ương																													
I	Bộ, ngành A																													
1	Đất khuôn viên																													
2	Nhà																													
3	Xe ô tô																													
4	Tài sản có định khác																													
II	Bộ, ngành B																													
...	...																													
B	Địa phương																													
I	Tỉnh A																													
1	Đất khuôn viên																													
2	Nhà																													
3	Xe ô tô																													
4	Tài sản có định khác																													
II	Tỉnh B																													
...	...																													
	Tổng cộng																													

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp phát sinh xử lý tài sản theo hình thức khác theo quy định của pháp luật thì bổ sung các cột chỉ tiêu công khai về hình thức xử lý khác (tên hình thức xử lý, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại) cho phù hợp.

BỘ TÀI CHÍNH**Mẫu số 06d-CK/TSC****CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ****NĂM***ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.*

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác			Kinh doanh			Cho thuê			Liên doanh, liên kết			Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Số lượng	Diện tích	Hình thức	Số lượng	Diện tích	Hình thức	Số lượng	Diện tích	Hình thức	Số lượng	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
A	Cơ quan trung ương																				
I	Bộ, ngành A																				
1	Đất khuôn viên																				
2	Nhà																				
3	Xe ô tô																				
4	Tài sản cố định khác																				
II	Bộ, ngành B																				
....																					
B	Địa phương																				
I	Tỉnh A																				
1	Đất khuôn viên																				
2	Nhà																				
3	Xe ô tô																				
4	Tài sản cố định khác																				
II	Tỉnh B																				
....																					
	Tổng cộng																				

....., ngày.....tháng.....năm

BỘ TRƯỞNG

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp phát sinh hình thức khai thác khác theo hình thức khác theo quy định của pháp luật thì bổ sung các cột chỉ tiêu công khai về hình thức khai thác khác (tên hình thức khai thác, số lượng/diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại, số tiền thu được) cho phù hợp.
- Cột 18: Ghi rõ hình thức liên doanh, liên kết theo quy định Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
- Căn cứ vào các hình thức khai thác tài sản công thực tế theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị bổ sung các cột chỉ tiêu công khai về các hình thức khai thác khác cho phù hợp.